TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và ông Lê Việt Long.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1992;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khu 6, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1953

Địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương

Các đương sự đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Hoàng Thị A trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/12/2012. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với bố mẹ anh Đ tại thôn M, xã Q. Đầu năm 2015 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng thống nhất để chị đi lao động tại Đài Loan, đến tháng 4/2015 chị sang Đài Loan lao động. Trong thời gian chị đi lao động nước ngoài vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi thăm nhau. Ngày 16/6/2018 chị được nghỉ phép về Việt Nam thì được biết anh Đ có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác. Do thời gian nghỉ phép ngắn nên ngày 30/6/2018 chị quay lại Đài Loan chị có gọi

điện nói chuyện với anh Đ về vấn đề này, anh Đ nhận có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác và anh Đ có nói chuyện cũ nên bỏ qua và anh Đ cũng đã chia tay với người phụ nữ này. Tuy nhiên tết năm 2019 khi chị gọi điện về nhà hỏi thăm thì được các con chị cho biết anh Đ dẫn người phụ nữ này về nhà chơi và giới thiệu với họ hàng là vợ anh Đ. Chị nhiều lần gọi điện nói chuyện với anh Đ thì vợ chồng xảy ra cãi nhau, dần dần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể khắc phục được. Sau đó hai vợ chồng chị không nói chuyện với nhau, không ai hỏi thăm quan tâm đến ai. Tháng 10/2021 chị A về Việt Nam sinh sống, chị có về nhà nhưng không gặp anh Đ, chị gọi điện thì anh Đ nói đi làm ăn xa thi thoảng mới về. Do đó chị về nhà mẹ đẻ sinh sống, chị có gọi điện thoại nói với anh Đ đề cập ly hôn thì anh Đ trốn tránh, nói không có ở nhà, gây khó khăn cho chị. Đến nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Tứ Kỳ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày: 20/6/2009, cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 30/10/2010 cả hai cháu đang sống cùng chị A. Chị A hiện đang bán hàng tại cửa hàng của mẹ đẻ chị tại thị trấn L, mẹ chị ở nhà kinh doanh nên có điều kiện hỗ trợ chị trong việc chăm sóc các con. Trong thời gian đi nước ngoài chị cũng dành dụm được một số tiền nên chị đủ khả năng nuôi con. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân của anh Đ để giao, thông báo cho anh Đ biết về yêu cầu khởi kiện của chị A. Tuy nhiên anh Đ sau khi được gia đình giao, thông báo về các văn bản tố tụng của Toà án thì không thể hiện quan điểm cũng như không đến Tòa án để làm việc.

- Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Chị A và anh Đ sau một thời gian tìm hiểu có đến UBND xã Q thực hiện việc đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán Việt Nam. Quá trình chung sống hai vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được, nếu có mâu thuẫn thì chỉ xuất phát tù việc hai vợ chồng làm ăn thua lỗ, nhiều người đến đòi nợ nên hai vợ chồng phải trốn đi. Chị A thì sang lao động tại Đài Loan, anh Đ thì làm ăn xa nhà chỉ thỉnh thoảng mới về nhà. Sau khi chị A về nước thì không sống cùng với gia đình ông mà về nhà mẹ đẻ ở thị trấn Gia Lộc. Nay chị A khởi kiện xin ly hôn anh Đ thì quan điểm của gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: chị A và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày: 20/6/2009, cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 30/10/2010, hiện cả hai cháu đều sống cùng chị A ở thị trấn L, huyện G. Trường hợp chị A và anh Đ không thể chung sống với nhau nữa thì quan điểm của gia đình là hiện các cháu đã lớn đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu có nguyện

vọng ở với anh Đ thì gia đình ông sẽ phụ giúp anh Đ trong việc chăm sóc cho cháu.

Hiện anh Đ đang làm ăn tại tỉnh Thanh Hóa, làm về điện nước còn địa chỉ cụ thể như thế nào thì ông không nắm được, anh Đ thỉnh thoảng vẫn gọi điện về thăm gia đình, ông có hỏi địa chỉ của anh Đ nhưng anh Đ đều không nói. Cách đây khoảng một năm anh Đ có dẫn một người phụ nữ về gia đình giới thiệu là bạn và ở lại vài ngày, các con của anh Đ đã nhìn thấy nên tưởng nhầm anh Đ sống không chung thủy với chị A và có nói lại với chị A. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án ông đã giao, thông báo cho anh Đ biết, anh Đ nói lại với ông là do công trình đang bận nên chưa thể về đến Tòa án làm việc được và cũng không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

- Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Bùi Thị L trình bày:

Chị A và anh Đ sau một thời gian tìm hiểu có đến UBND xã Q thực hiện việc đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới hai vợ chồng sống cùng nhau tại nhà anh Đ ở thôn M, xã Q, huyện T cùng bố mẹ anh Đ. Tuy nhiên cuộc sống chung giữa hai anh chị liên tục xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ thiếu trách nhiệm, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, nhiều lần chị A gọi điện về nói chuyện với bà nhưng do suy nghĩ đến hạnh phúc của các con nên bà đã khuyên bảo và động viên chị A. Đến năm 2015 do điều kiện kinh tế khó khăn, chị A đi lao động tại Đài Loan, sau đó một năm gia đình bà lại lo cho anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nga nhưng đến năm 2017 anh Đ về nước còn chị A vẫn ở Đài Loan đến năm 2021 mới về nước. Trong thời gian chị A lao động tại nước ngoài đã phát hiện ra việc anh Đ sống không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, anh Đ còn dẫn người phụ nữ đó về nhà giới thiệu với họ hàng là vợ của anh Đ. Sau đó anh Đ có xin lỗi chị A và mong muốn chị A tha thứ nhưng được một thời gian anh Đ lại qua lại với người phụ nữ đó. Tất cả những việc đó chị A đều liên lạc nói cho bà biết. Đến tháng 10/2021 chị A về nước nhưng khi về nhà anh Đ nói không có nhà, đang đi làm ăn xa nên chị A về sống với bà từ đó đến nay. Trong thời gian chị A về nước cho đến nay chưa một lần nào anh Đ đến gặp hay liên lạc với chị A. Nay chị A khởi kiện xin ly hôn anh Đ, quan điểm của gia đình là mong muốn Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị A và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày: 20/6/2009, cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 30/10/2010. Từ giữa tháng 6/2018 sau khi chị A về nghỉ phép đã đưa cả hai cháu đến gia đình bà sinh sống, từ đó đến nay các cháu vẫn sống cùng với gia đình bà. Quan điểm của gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được nuôi cả hai con vì từ ngày các cháu sống cùng với gia đình bà đến nay anh Đ chưa một lần đến thăm hay gọi điện cho các cháu.

Hiện bà L làm lao động tự do (kinh doanh bán quần áo) tại nhà và sống cùng ba mẹ con chị A, nhà cửa rộng rãi, thoáng đủ mỗi người một phòng. Chị A phụ giúp bà buôn bán quần áo tại gia đình nên thời gian rất thoải mái, bà cũng sẽ tạo mọi điều kiện phụ giúp chị A trong việc chăm sóc cho các cháu đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các cháu.

- Biên bản xác minh tại UBND xã Q, huyện T thể hiện:

Chị Hoàng Thị A và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau và được UBND xã Q, huyện T tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2012. Sau khi kết hôn xong hai vợ chồng sống cùng nhau tại nhà anh Đ ở thôn M, xã Q cùng bố mẹ anh Đ. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được vì ở địa phương hai vợ chồng chị A, anh Đ chưa lần nào xảy ra đánh cãi chửi nhau và cũng chưa lần nào có đơn trình báo hay đề nghị hòa giải gửi đến lãnh đạo thôn hay UBND xã. Tuy nhiên có thông tin chị A và anh Đ mâu thuẫn do tình hình kinh tế gia đình hai vợ chồng có làm ăn nhưng thua lỗ dẫn đến mỗi người ở một nơi. Khoảng 06 năm trở lại đây địa phương không còn thấy chị A sống cùng với anh Đ ở địa phương, cũng trong thời gian này anh Đ đã đi làm ăn xa chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, hiện anh Đ vẫn còn đăng ký HKTT tại xã Q. Nay chị A khởi kiện xin ly hôn anh Đ thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn về điều kiện nuôi con của anh Đ thì anh Đ đủ điều kiện nuôi con và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A, anh Đ mỗi người nuôi một con.

Tại phiên toà, chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị A về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày: 20/6/2009, cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 30/10/2010 cho chị Hoàng Thị A tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chungkhông ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Hoàng Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ, tại thời điểm thụ lý vụ án anh Đ sinh sống tại thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Chị Hoàng Thị A sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Đ đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị A, anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị A và anh Nguyễn Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn UBND xã Q, huyện T ngày 28/12/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất về kinh tế, không tin tưởng vào sự chung thủy của nhau dẫn đến mâu thuẫn không những không được hóa giải mà ngày càng trở nên trầm trọng. Xét thấy, mặc dù anh Đ sau khi nhận, biết được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thể hiên quan điểm, tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày của chị A, bà L, ông Đ đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh Đ đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị A và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày: 20/6/2009, cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 30/10/2010 cả hai cháu đang sống cùng chị A. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hai con chung từ năm 2018 đã được chị A đón về sống cùng chị và mẹ đẻ của chị, các con phát triển tốt, chị A có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở, thời gian chăm sóc nuôi dưỡng con, có mẹ đẻ hỗ trợ nuôi con trong khi đó anh Đ không có quan điểm về việc nuôi con, thường xuyên đi làm ăn xa không có ở nhà. Mặt khác cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần giao 02 cháu Nguyễn Yến N, Nguyễn Huyền T cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết trong vụ án. Anh Đ không có quan điểm nên sau này nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị A khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 228 Bộ luật

Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 20/6/2009, cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 30/10/2010 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004386 ngày 15/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị A đã nộp đủ

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai , báo cho chị Hoàng Thị A và anh Nguyễn Văn Đ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Thành